

# ẢNH HƯỞNG CỦA HIỆU LỰC KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐẾN CHẤT LƯỢNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ KHU VỰC ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

● **TRẦN THỊ MINH HIẾU**

Khoa Kinh tế, Trường Đại học Nam Cần Thơ  
Email: ttmhieu@nctu.edu.vn

## **TÓM TẮT:**

Nghiên cứu nhằm xác định và đo lường mức độ ảnh hưởng của hiệu lực kiểm soát nội bộ đến chất lượng thông tin kế toán tại các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Dựa trên khuôn khổ kiểm soát nội bộ COSO, nghiên cứu xem xét các thành phần của hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm: Môi trường kiểm soát, Đánh giá rủi ro, Hoạt động kiểm soát, Thông tin và truyền thông, và Hoạt động giám sát tác động đến chất lượng thông tin kế toán. Nghiên cứu tiến hành khảo sát 245 doanh nghiệp thương mại và dịch vụ tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Phương pháp nghiên cứu kết hợp giữa định tính và định lượng được sử dụng. Các kỹ thuật phân tích bao gồm thống kê mô tả, kiểm định độ tin cậy thang đo bằng Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA) và hồi quy tuyến tính đa biến. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các thành phần của hệ thống kiểm soát nội bộ đều có tác động tích cực đến chất lượng thông tin kế toán, trong đó Thông tin và truyền thông, Môi trường kiểm soát và Hoạt động giám sát là những nhân tố có mức độ ảnh hưởng nổi bật. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để đề xuất các hàm ý quản trị nhằm nâng cao hiệu lực kiểm soát nội bộ, góp phần cải thiện chất lượng thông tin kế toán và nâng cao hiệu quả quản lý tại các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

**Từ khóa:** kiểm soát nội bộ, hiệu lực kiểm soát nội bộ, chất lượng thông tin kế toán.

## **1. Đặt vấn đề**

Kiểm soát nội bộ được xem là một trong những công cụ quản trị quan trọng giúp doanh nghiệp đạt được các mục tiêu về hiệu quả hoạt động, độ tin cậy

của báo cáo tài chính và tuân thủ pháp luật. Theo Committee of Sponsoring Organizations of the Treadway Commission (COSO) (2013), kiểm soát nội bộ là một quá trình do hội đồng quản trị, ban

điều hành và nhân viên thực hiện nhằm cung cấp sự đảm bảo hợp lý về việc đạt được các mục tiêu của tổ chức. Một hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu không chỉ giúp ngăn ngừa và phát hiện sai sót, gian lận mà còn góp phần nâng cao chất lượng thông tin kế toán, từ đó hỗ trợ quá trình ra quyết định của nhà quản trị và các bên liên quan (Arens et al., 2021).

Chất lượng thông tin kế toán là một trong những tiêu chí quan trọng phản ánh hiệu quả của hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp. Theo khuôn khổ lý thuyết của Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IASB, 2018), thông tin kế toán có chất lượng cần đảm bảo các đặc tính cơ bản như tính thích hợp và trình bày trung thực, đồng thời phải đáp ứng các đặc tính nâng cao như khả năng so sánh, khả năng kiểm chứng, tính kịp thời và tính dễ hiểu. Chất lượng thông tin kế toán càng cao thì khả năng hỗ trợ các quyết định kinh tế của nhà quản lý, nhà đầu tư và các bên liên quan càng hiệu quả (Gelinas et al., 2018).

Nhiều nghiên cứu trước đây đã khẳng định mối quan hệ tích cực giữa hiệu lực kiểm soát nội bộ và chất lượng thông tin kế toán. Hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả giúp nâng cao độ chính xác, tính đầy đủ và độ tin cậy của dữ liệu kế toán thông qua việc thiết lập các chính sách, quy trình kiểm soát và cơ chế giám sát phù hợp (Doyle et al., 2007; Feng et al., 2009). Theo khuôn khổ COSO (2013), hiệu lực kiểm soát nội bộ được cấu thành từ năm thành phần gồm môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông, cùng hoạt động giám sát. Các thành phần này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau trong việc đảm bảo tính chính xác và minh bạch của thông tin kế toán được cung cấp cho người sử dụng.

Đối với các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ, chất lượng thông tin kế toán đóng vai trò đặc biệt quan trọng do đặc điểm hoạt động kinh doanh có khối lượng giao dịch lớn, tốc độ luân chuyển thông tin nhanh và mức độ cạnh tranh ngày càng cao. Trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập kinh tế quốc tế, yêu cầu về tính minh bạch và độ tin cậy của thông tin kế toán ngày càng trở nên cấp thiết. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn trong việc xây dựng và vận hành hệ thống

kiểm soát nội bộ hiệu quả, dẫn đến những hạn chế về chất lượng thông tin kế toán phục vụ công tác quản lý và ra quyết định.

Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long là một trong những vùng kinh tế trọng điểm của Việt Nam với sự phát triển mạnh mẽ của các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ. Tuy nhiên, các nghiên cứu về mối quan hệ giữa hiệu lực kiểm soát nội bộ và chất lượng thông tin kế toán tại khu vực này vẫn còn khá hạn chế. Do đó, việc nghiên cứu ảnh hưởng của hiệu lực kiểm soát nội bộ đến chất lượng thông tin kế toán tại các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ khu vực Đồng bằng sông Cửu Long là cần thiết.

## **2. Cơ sở lý thuyết, mô hình và phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Cơ sở lý thuyết và mô hình đề xuất**

Theo IASB (2018), thông tin kế toán có chất lượng phải đảm bảo các đặc tính cơ bản gồm tính thích hợp và trình bày trung thực, đồng thời đáp ứng các đặc tính nâng cao như khả năng so sánh, khả năng kiểm chứng, tính kịp thời và tính dễ hiểu. Chất lượng thông tin kế toán càng cao thì khả năng hỗ trợ các quyết định kinh tế càng hiệu quả, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp (Gelinas và cộng sự, 2018).

Để đảm bảo chất lượng thông tin kế toán, hệ thống kiểm soát nội bộ đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc kiểm soát các hoạt động kinh doanh và quy trình xử lý thông tin kế toán. Theo COSO (2013), kiểm soát nội bộ là một quá trình được thiết kế và thực hiện bởi hội đồng quản trị, ban điều hành và nhân viên nhằm cung cấp sự đảm bảo hợp lý trong việc đạt được các mục tiêu liên quan đến hoạt động, báo cáo và tuân thủ. Hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả giúp ngăn ngừa gian lận, hạn chế sai sót, bảo vệ tài sản và nâng cao độ tin cậy của thông tin kế toán được cung cấp cho các đối tượng sử dụng thông tin.

Nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã chứng minh rằng hiệu lực kiểm soát nội bộ có ảnh hưởng tích cực đến chất lượng thông tin kế toán. Doyle và cộng sự (2007) cho rằng các doanh nghiệp có hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả thường cung cấp thông tin kế toán đáng tin cậy hơn và hạn chế các sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính. Tương tự, Feng và cộng

sự (2009) cho thấy việc tăng cường kiểm soát nội bộ góp phần nâng cao chất lượng thông tin kế toán thông qua việc cải thiện tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của dữ liệu kế toán. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ khi khối lượng giao dịch phát sinh lớn và yêu cầu xử lý thông tin ngày càng nhanh chóng.

Nghiên cứu này vận dụng lý thuyết đại diện của Jensen và Meckling (1976) cùng lý thuyết hệ thống để giải thích mối quan hệ giữa hiệu lực kiểm soát nội bộ và chất lượng thông tin kế toán. Theo lý thuyết đại diện, hệ thống kiểm soát nội bộ giúp giảm thiểu bất cân xứng thông tin và hạn chế hành vi cơ hội của nhà quản lý, từ đó nâng cao độ tin cậy của thông tin kế toán. Trong khi đó, lý thuyết hệ thống cho rằng chất lượng thông tin kế toán là kết quả đầu ra của một hệ thống thông tin được vận hành hiệu quả, trong đó kiểm soát nội bộ là cơ chế quan trọng đảm bảo tính chính xác và hữu ích của thông tin.

## **2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán tại các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ**

Môi trường kiểm soát: Môi trường kiểm soát là nền tảng của hệ thống kiểm soát nội bộ, phản ánh nhận thức, thái độ và hành động của ban lãnh đạo đối với hoạt động kiểm soát trong doanh nghiệp. Một môi trường kiểm soát mạnh sẽ tạo lập văn hóa tuân thủ, nâng cao trách nhiệm của nhân viên và giảm thiểu các hành vi gian lận trong quá trình xử lý thông tin kế toán. Nghiên cứu của Jokipii (2010) cho thấy môi trường kiểm soát có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ và chất lượng báo cáo tài chính. Tương tự, Sultana và Haque (2011) khẳng định rằng môi trường kiểm soát tốt giúp tăng cường tính minh bạch, độ tin cậy và tính chính xác của thông tin kế toán được cung cấp cho các bên liên quan. Từ đó, giả thuyết nghiên cứu được đề xuất như sau:

*Giả thuyết H1 (+): Môi trường kiểm soát có tác động cùng chiều đến chất lượng thông tin kế toán tại các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.*

*Đánh giá rủi ro:* Đánh giá rủi ro là quá trình nhận diện, phân tích và quản lý các rủi ro có thể ảnh hưởng

đến việc đạt được mục tiêu của doanh nghiệp. Theo COSO (2013), đánh giá rủi ro giúp doanh nghiệp chủ động phát hiện các nguy cơ tiềm ẩn liên quan đến hoạt động kinh doanh, hệ thống thông tin và quá trình lập báo cáo tài chính. Theo nghiên cứu của Leng và Ding (2011), doanh nghiệp có quy trình đánh giá rủi ro hiệu quả thường cung cấp thông tin kế toán đáng tin cậy hơn và giảm thiểu các sai lệch trọng yếu trong báo cáo tài chính. Ngoài ra, nghiên cứu của Krishnan (2005) cho thấy việc nhận diện và kiểm soát rủi ro kịp thời góp phần nâng cao tính chính xác và đầy đủ của thông tin kế toán. Do đó, giả thuyết nghiên cứu được đề xuất như sau:

*Giả thuyết H2 (+): Đánh giá rủi ro có tác động cùng chiều đến chất lượng thông tin kế toán tại các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.*

*Hoạt động kiểm soát:* Hoạt động kiểm soát là các chính sách và thủ tục được thiết lập nhằm đảm bảo các chỉ đạo của nhà quản lý được thực hiện hiệu quả. Nghiên cứu của Doyle và cộng sự (2007) cho thấy các doanh nghiệp có hoạt động kiểm soát hiệu quả thường có chất lượng báo cáo tài chính cao hơn và ít xảy ra sai sót trọng yếu. Tương tự, Feng và cộng sự (2009) khẳng định rằng các thủ tục kiểm soát phù hợp giúp nâng cao tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của thông tin kế toán. Vì vậy, giả thuyết nghiên cứu được đề xuất như sau:

*Giả thuyết H3 (+): Hoạt động kiểm soát có tác động cùng chiều đến chất lượng thông tin kế toán tại các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.*

*Thông tin và truyền thông:* Thông tin và truyền thông là thành phần giúp thu thập, xử lý và truyền tải thông tin cần thiết đến các cá nhân và bộ phận liên quan trong doanh nghiệp. Hoạt động truyền thông hiệu quả giúp tăng cường sự phối hợp giữa các bộ phận và nâng cao hiệu quả kiểm soát nội bộ. Theo nghiên cứu của Romney và Steinbart (2021), chất lượng của hệ thống thông tin và truyền thông có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng thông tin kế toán. Một hệ thống thông tin hiệu quả giúp giảm thiểu sai sót trong xử lý dữ liệu và nâng cao khả năng cung cấp thông tin phục vụ quản trị. Từ đó, giả thuyết nghiên cứu được đề xuất như sau:

*Giả thuyết H4 (+): Thông tin và truyền thông có tác động cùng chiều đến chất lượng thông tin kế toán tại các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.*

**Hoạt động giám sát:** Hoạt động giám sát là quá trình đánh giá thường xuyên hoặc định kỳ nhằm xác định mức độ hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ và kịp thời khắc phục các thiếu sót phát sinh. Theo COSO (2013), giám sát giúp doanh nghiệp duy trì và cải thiện liên tục hiệu quả của các hoạt động kiểm soát trong quá trình vận hành. Nghiên cứu của Alzeban và Gwilliam (2014) cho thấy hoạt động giám sát hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng báo cáo tài chính và tăng cường độ tin cậy của thông tin kế toán. Thông qua việc phát hiện và xử lý kịp thời các sai sót trong quy trình kế toán, hoạt động giám sát giúp đảm bảo tính chính xác và minh bạch của thông tin được cung cấp. Do đó, giả thuyết nghiên cứu được đề xuất như sau:

*Giả thuyết H5 (+): Hoạt động giám sát có tác động cùng chiều đến chất lượng thông tin kế toán tại các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.*

Likert 5 mức, từ 1 “Hoàn toàn không đồng ý” đến 5 “Hoàn toàn đồng ý”.

Mẫu nghiên cứu được chọn theo phương pháp thuận tiện, gồm nhà quản lý, kế toán trưởng, nhân viên kế toán và những người trực tiếp sử dụng thông tin kế toán tại các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ trong khu vực. Trong 280 bảng khảo sát phát ra, thu về 252 bảng, sau khi loại bỏ các bảng không hợp lệ còn 245 bảng sử dụng cho phân tích. Quy mô mẫu đáp ứng yêu cầu của Tabachnick và Fidell (2007).

Dựa trên khuôn khổ COSO (2013), mô hình nghiên cứu gồm năm nhân tố độc lập:

$$Y = \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5 + \varepsilon$$

Trong đó:  $X_1$ : Môi trường kiểm soát;  $X_2$ : Đánh giá rủi ro;  $X_3$ : Hoạt động kiểm soát;  $X_4$ : Thông tin và truyền thông;  $X_5$ : Hoạt động giám sát;  $Y$ : Chất lượng thông tin kế toán;  $\beta_1, \beta_2, \beta_3, \beta_4, \beta_5$ : Hệ số hồi quy;  $\varepsilon$ : Sai số ngẫu nhiên.

### 3. Kết quả nghiên cứu

Sau khi kiểm định độ tin cậy của các thang đo của các biến độc lập và biến phụ thuộc. Tác giả đánh giá mức độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính như sau: (Bảng 1)

**Bảng 1. Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình hồi qui tuyến tính đa biến**

| Mô hình | Hệ số R            | Hệ số R <sup>2</sup> | Hệ số R <sup>2</sup> - hiệu chỉnh | Sai số chuẩn của ước lượng |
|---------|--------------------|----------------------|-----------------------------------|----------------------------|
| 1       | 0,853 <sup>a</sup> | 0,728                | 0,722                             | 0,13332                    |

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát của tác giả bằng phần mềm SPSS, 2026.

### 2.3. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp gồm định tính và định lượng để xác định và kiểm định các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán tại các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua tổng hợp lý thuyết và các nghiên cứu trước nhằm xây dựng mô hình và thang đo. Nghiên cứu định lượng sử dụng bảng câu hỏi khảo sát để thu thập dữ liệu kiểm định mô hình.

Dữ liệu được phân tích bằng các kỹ thuật: thống kê mô tả, kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA) và hồi quy tuyến tính đa biến. Các biến được đo lường bằng thang

Bảng 1 cho thấy, giá trị hệ số  $R^2 = 0.728 > 0.5$ , do vậy, đây là mô hình thích hợp để sử dụng đánh giá mối quan hệ giữa biến phụ thuộc và các biến độc lập. Ngoài ra, giá trị hệ số  $R^2$  hiệu chỉnh là 0.722, nghĩa là mô hình hồi quy tuyến tính đã xây dựng phù hợp với dữ liệu 72.2%.

Kết quả hồi quy trong Bảng 2: Căn cứ vào Bảng 2, tất cả các biến độc lập đều có giá trị Sig. nhỏ hơn 0,05, cho thấy các giả thuyết nghiên cứu đều được chấp nhận ở mức ý nghĩa 5%. Phương trình hồi quy tuyến tính bội với các hệ số chuẩn hóa được xác định như sau:

$$Y = 0,312X_1 + 0,198X_2 + 0,241X_3 + 0,329X_4 + 0,287X_5$$

Kết luận: Mục tiêu của nghiên cứu là xác định và đo lường mức độ ảnh hưởng của các thành phần

**Bảng 2. Kết quả hồi quy**

| Biến                      | Hệ số chưa chuẩn hóa B | Sai số chuẩn | Hệ số chuẩn hóa Beta | T     | Sig.  |
|---------------------------|------------------------|--------------|----------------------|-------|-------|
| Hằng số                   | 1,230                  | 0,159        |                      | 7,763 | 0,000 |
| Môi trường kiểm soát      | 0,086                  | 0,015        | 0,312                | 5,593 | 0,000 |
| Đánh giá rủi ro           | 0,111                  | 0,016        | 0,198                | 7,078 | 0,004 |
| Hoạt động kiểm soát       | 0,219                  | 0,039        | 0,241                | 5,567 | 0,001 |
| Thông tin và truyền thông | 0,124                  | 0,026        | 0,329                | 4,788 | 0,000 |
| Hoạt động giám sát        | 0,065                  | 0,020        | 0,287                | 3,332 | 0,000 |

*Nguồn: Kết quả phân tích hồi quy của tác giả bằng phần mềm SPSS, 2026.*

thuộc hệ thống kiểm soát nội bộ đến chất lượng thông tin kế toán tại các doanh nghiệp thương mại và dịch vụ khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Kết quả nghiên cứu đã xác định được năm nhân tố có tác động tích cực đến chất lượng thông tin kế toán. Mức độ ảnh hưởng giảm dần theo thứ tự như sau: Thông tin và truyền thông ( $\beta = 0,329$ ); Môi trường kiểm soát ( $\beta = 0,312$ ); Hoạt động giám sát ( $\beta = 0,287$ ); Hoạt động kiểm soát ( $\beta = 0,241$ ); và Đánh giá rủi ro ( $\beta = 0,198$ ). Kết quả này khẳng định rằng việc nâng cao hiệu lực hệ thống kiểm soát nội bộ là điều kiện quan trọng giúp doanh nghiệp cải thiện chất lượng thông tin kế toán, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản trị trong bối cảnh cạnh tranh và chuyển đổi số hiện nay.

#### 4. Kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng thông tin kế toán thông qua việc hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ:

Nâng cao chất lượng hệ thống thông tin và truyền thông nội bộ; đầu tư công nghệ, phần mềm kế toán và tăng cường chia sẻ thông tin giữa các bộ phận. Xây dựng môi trường kiểm soát hiệu quả; đề cao tính minh bạch, đạo đức nghề nghiệp và phân định rõ trách nhiệm. Tăng cường giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ thông qua kiểm toán nội bộ và kiểm tra định kỳ. Hoàn thiện các hoạt động kiểm soát như phê duyệt giao dịch, đối chiếu số liệu, phân chia trách nhiệm và kiểm soát truy cập dữ liệu. Nâng cao hiệu quả đánh giá rủi ro, đặc biệt các rủi ro liên quan đến công nghệ thông tin và an toàn dữ liệu. Tăng cường hỗ trợ từ cơ quan quản lý, hiệp hội nghề nghiệp và cơ sở đào tạo thông qua các chương trình tập huấn và hướng dẫn thực hành. Các kiến nghị này góp phần nâng cao hiệu lực kiểm soát nội bộ, cải thiện chất lượng thông tin kế toán và tăng cường hiệu quả quản trị doanh nghiệp ■

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Alzeban, A., & Gwilliam, D. (2014). Factors affecting the internal audit effectiveness: A survey of the Saudi public sector. *Journal of International Accounting, Auditing and Taxation*, 23(2), 74–86.
- Arens, A. A., Elder, R. J., Beasley, M. S., & Hogan, C. E. (2021). *Auditing and assurance services: An integrated approach* (17th ed.). Pearson Education.
- Committee of Sponsoring Organizations of the Treadway Commission (COSO). (2013). *Internal control—Integrated framework*. COSO.
- Doyle, J., Ge, W., & McVay, S. (2007). Determinants of weaknesses in internal control over financial reporting. *Journal of Accounting and Economics*, 44(1–2), 193–223.
- Feng, M., Li, C., McVay, S., & Skaife, H. (2009). Internal control and management guidance. *Journal of Accounting and Economics*, 48(2–3), 190–209.

- Gelinas, U. J., Dull, R. B., & Wheeler, P. R. (2018). Accounting information systems (11th ed.). Cengage Learning.
- International Accounting Standards Board (IASB). (2018). Conceptual framework for financial reporting. IFRS Foundation.
- Jensen, M. C., & Meckling, W. H. (1976). Theory of the firm: Managerial behavior, agency costs and ownership structure. *Journal of Financial Economics*, 3(4), 305–360.
- Jokipii, A. (2010). Determinants and consequences of internal control in firms: A contingency theory based analysis. *Journal of Management & Governance*, 14(2), 115–144.
- Krishnan, J. (2005). Audit committee quality and internal control: An empirical analysis. *The Accounting Review*, 80(2), 649–675.
- Leng, J., & Ding, Y. (2011). Internal control disclosure and accounting information quality. *Accounting Research*, 8, 85–92.
- Romney, M. B., Steinbart, P. J., Summers, S. L., & Wood, D. A. (2021). Accounting information systems (15th ed.). Pearson Education.
- Sultana, R., & Haque, M. E. (2011). Evaluation of internal control structure: Evidence from six listed banks in Bangladesh. *ASA University Review*, 5(1), 69–81.
- Tabachnick, B. G., & Fidell, L. S. (2007). Using multivariate statistics (5th ed.). Pearson Education.

**Ngày nhận bài: 8/5/2026**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 25/5/2026**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 5/6/2026**

## **IMPACT OF INTERNAL CONTROL EFFECTIVENESS ON ACCOUNTING INFORMATION QUALITY IN COMMERCIAL AND SERVICE ENTERPRISES IN THE MEKONG DELTA**

**● TRAN THI MINH HIEU**

Faculty of Economics, Nam Can Tho University

Email: ttmhieu@nctu.edu.vn

### **ABSTRACT:**

This study aims to determine and measure the impact of internal control effectiveness on accounting information quality in commercial and service enterprises in the Mekong Delta. Based on the COSO internal control framework, the study examines five components: control environment, risk assessment, control activities, information and communication, and monitoring. Data were collected from 245 enterprises and analyzed using a mixed-method approach, including descriptive statistics, Cronbach's Alpha, EFA, and multiple linear regression. The results indicate that all components positively affect accounting information quality, with information and communication, control environment, and monitoring having the strongest impacts. The findings provide managerial implications to enhance internal control systems and improve accounting information quality.

**Keywords:** internal control, internal control effectiveness, accounting information quality.